

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LA GI
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**Bản án số: 95/2017/HSST
Ngày: 26/12/2017.**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LA GI, TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Minh Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Dương Quang Khai** – Nghề nghiệp: Hưu Trí.
2. Ông **Võ Mừng** – Nghề nghiệp: Công Chức.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông **Võ Chí Công** – Cán bộ Toà án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Trọng Hải** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017, tại Hội trường Ủy ban nhân dân phường Phước Lộc, thị xã La Gi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 104/2017/HSST ngày 17 tháng 11 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2017/HSST-QĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

NGUYỄN ĐỨC M (Tên gọi khác: H N), sinh năm 1995 tại Bình Thuận;

Nơi cư trú: Khu phố M T 3, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận;

Nghề nghiệp: Lao động biển; Trình độ học vấn: 5/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Hữu L (chết) và bà: Võ Thị N, sinh năm 1974;

Vợ, con: Chưa có;

Tiền án: Ngày 06/5/2015, Nguyễn Đức M bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận xử phạt 02 năm tù về tội: “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy” theo bản án hình sự sơ thẩm số 37/HSST, đến ngày 06/11/2016 chấp hành xong hình phạt tù theo giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số 627/GCN;

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt ngày 29/9/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thị xã L. (Có mặt)

* **Người bị hại:** Bà Đặng Thị T, sinh năm 1968. (Có mặt)

Nơi cư trú: Khu phố 2, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Lương Tuấn A (M), sinh năm 1992. (Vắng mặt không lý do)

HKTT: Khu phố M T, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Nơi cư trú: Đường số 1, phường H, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức M là bạn đi ghe của gia đình bà Đặng Thị T. Vào sáng ngày 14/9/2017, sau khi kết thúc chuyến đi biển, M vào nhà bà T nằm ngủ đến 15 giờ cùng ngày thì thức dậy. Quan sát thấy gia đình bà T đang ngủ trưa nên M nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bán lấy tiền để mua ma túy sử dụng. M thấy trước sân nhà bà T có 01 chiếc xe mô tô hiệu Hon da Vision màu xanh, biển kiểm soát 86B6 – 178.xx của bà T đang dựng trước sân có sẵn chìa khóa trên ổ khóa điện, do trước đó đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên M lén lút dắt xe mô tô trên đi ra đầu ngõ rồi khởi động điều khiển xe chạy vào thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, M đến phòng trọ của anh Lương Tuấn A tại số 01, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh cầm cố cho anh Lương Tuấn A chiếc xe trên với giá 2.500.000 đồng và sử dụng hết số tiền trên.

Theo Kết luận định giá tài sản số 88/KL-ĐGTS ngày 02/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã La Gi kết luận: 01 xe mô tô, biển số: 86B6 – 178.xx, nhãn hiệu: HONDA, số loại: VISION, màu sơn: xanh, không có kính chiếu hậu, xe mua năm 2014, xe đã qua sử dụng (có tang vật), giá trị định giá là 19.200.000 đồng (mười chín triệu hai trăm ngàn đồng).

Về vật chứng vụ án: Ngày 30/9/2017, anh Lương Tuấn A giao nộp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 86B6 – 178.xx cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã La Gi. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã La Gi trả lại chiếc xe mô tô trên cho bà Đặng Thị T theo biên bản về việc trả lại tài sản ngày 25/10/2017.

Tại bản cáo trạng số: 99/QĐ-VKS ngày 16/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi truy tố bị cáo Nguyễn Đức M, về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Đức M đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức M, phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Phạt bị cáo Nguyễn Đức M, mức án tù: 18 đến 24 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo hoàn trả 2.500.000 đồng cho anh Lương Tuấn A.

* **Bị cáo Nguyễn Đức M nói lời sau cùng:** Bị cáo thấy hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã La Gi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy, lời khai của bị cáo M tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, đối chiếu với những tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở và căn cứ pháp lý để kết luận: Khoảng 15 giờ, ngày 14/9/2017, tại nhà bà Đặng Thị T thuộc khu phố 2, phường P, thị xã L, lợi dụng lúc không ai để ý, bị cáo M đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision màu xanh, biển kiểm soát 86B6 – 178.xx của bà T đang dựng trước sân. Giá trị của chiếc xe mô tô được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã La Gi xác định là 19.200.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 thì “Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt, hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”, như vậy, việc bị cáo

M có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô có giá trị là 19.200.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đức M về tội danh, điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Bị cáo Nguyễn Đức M đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của người khác để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, như vậy hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, xem thường pháp luật, ảnh hưởng đến an ninh trật tự của địa phương. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Đối với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo M có 01 tiền án về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, vì vậy lần phạm tội này của bị cáo M thuộc trường hợp “Tái phạm” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lương Tuấn A: Do không biết chiếc xe mô tô biển kiểm soát 86B6 – 178.xx là tài sản trộm cắp mà có nên đã nhận cầm cố với số tiền 2.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của anh Tuấn A không cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác mà có” được quy định tại Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, vì vậy Cơ quan điều tra không khởi tố là có căn cứ.

[7] Về xử lý vật chứng: Là 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 86B6 – 178.xx Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã La Gi trả lại cho bà Đặng Thị T theo biên bản về việc trả lại tài sản ngày 25/10/2017, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về dân sự: Tại phiên tòa người bị hại Đặng Thị T xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo và không yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức M bồi thường.

Riêng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lương Tuấn A vắng mặt nhưng quá trình điều tra có yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức M phải hoàn trả số tiền 2.500.000 đồng là tiền anh Tuấn A đưa cho bị cáo M để cầm cố xe. Qua yêu cầu trên của anh Tuấn A, bị cáo M đồng ý bồi thường số tiền trên nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị cáo M phải có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Tuấn A số tiền 2.500.000 đồng.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đức M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức M (H N) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

***Áp dụng:** Khoản 1 Điều 138; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

***Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Đức M **18** tháng tù (Mười tám tháng), thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (29/9/2017).

Về dân sự: Áp dụng: Khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Buộc bị cáo Nguyễn Đức M phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 2.500.000 đồng cho anh Lương Tuấn A.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Áp dụng: Điều 98 và Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Đức M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng: Điều 231 và Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/12/2017).

Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tx. La Gi;
- Chi cục THADS tx. La Gi;
- Công an tx. La Gi;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

LÊ MINH CHÍNH